

BÀI HỌC TỪ CÂU CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VIỆN DẪN “DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN”

Bùi Khánh Thế¹

Tóm tắt

“Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là câu danh ngôn Chủ tịch Hồ Chí Minh viện dẫn khi trao đổi ý kiến với Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước trước khi sang Pháp đàm phán. Việc viện dẫn này không hoàn toàn là sự sáng tạo ngôn từ tức thời mà là kết quả của cả vốn văn hóa, nền tảng tư duy và quá trình trải nghiệm của chính Người. Bài viết này đi tìm hiểu cội nguồn, giá trị và một số hoàn cảnh áp dụng câu châm ngôn ấy.

Từ khóa: danh ngôn, dĩ bất biến, ứng vạn biến

Trao đổi về công việc với Quyền Chủ tịch Chính phủ Huỳnh Thúc Kháng trong khoảng thời gian ngắn vào buổi tiễn đưa, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhắc đến câu châm ngôn²: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Chúng ta đều biết Bác vẫn thường viện dẫn những danh ngôn của người xưa hoặc những câu ngạn ngữ, tục ngữ trong dân gian thích hợp với hoàn cảnh thực tại để vận dụng giải quyết những vấn đề cụ thể. Cũng như những trường hợp khác, việc viện dẫn câu châm ngôn trên đây trong khi Bác trao đổi ý kiến với Cụ Huỳnh không hoàn toàn là sự sáng tạo ngôn từ tức thời mà là kết quả của cả vốn văn hóa, nền tảng tư duy và quá trình trải nghiệm của chính Người. Xuất phát từ sự suy nghĩ đó, tôi bắt tay vào viết bài này từ việc tìm hiểu cội nguồn của câu châm ngôn.

Từ thời Tôn Tử (Xuân thu Chiến quốc) và không chỉ Việt Nam mới sử dụng phương châm ứng xử này”, tôi cố gắng tìm đọc một số tài liệu về văn hóa cổ Trung Hoa, như Đức Thành, *Binh Pháp Tôn Tử*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2010, chẳng hạn thì không

¹ GS.TS, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP HCM.

² Trong bài viết này, thuật ngữ “châm ngôn” được dùng theo nghĩa là “câu nói có tác dụng hướng dẫn về đạo đức và cách sống” (*Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê (chủ biên), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr.158).

tìm thấy³. Trao đổi với nhiều đồng nghiệp am hiểu tiếng Hán và văn hóa Hán cổ điển cũng chưa thật hoàn toàn sáng tỏ. Trước tình hình đó, hiện tại tôi thiên về giả thuyết do Giáo sư Mai Quốc Liên đề xuất: nhiều người am hiểu về cổ văn và văn hóa cổ Trung Hoa cũng nói rằng âm ngôn này không có trong *Binh pháp Tôn Tử* cũng như trong *Kinh Dịch*, còn có ở đâu nữa không thì chưa biết?! Nếu quả thật đây không phải là một âm ngôn có xuất xứ từ cổ văn Trung Hoa thì rất có khả năng đó là sự sáng tạo của các nhà Nho Việt Nam cũng như ở một số nước thuộc vùng văn hóa Hán cổ điển mượn từ ngữ Hán để biểu đạt ý tưởng của mình⁴. Trong khi chúng ta chờ đợi lời giải cuối cùng, tôi dựa vào ý tưởng đó như một giả thuyết để làm việc, vì nghĩ rằng điều này không ảnh hưởng gì đến hướng nghiên cứu của mình trong bài viết. Quả thật, trong quá trình tiếp biến ngôn ngữ và văn hóa Trung Hoa, người Việt Nam ta - cả giới học thức cũng như giới bình dân - vẫn thường “dùng đá núi người, mài sắc dao ta”⁵ như vậy.

Cho tới nay đã có những bài nghiên cứu bàn về câu châm ngôn được Bác dẫn trong khi trao đổi ý kiến với Quyền Chủ tịch Chính phủ Huỳnh Thúc Kháng. Đó là các bài: *Từ triết lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến” đến triết lý hành động Hồ Chí Minh*⁶ (Nguyễn Hùng Hậu), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam - nhìn từ góc độ triết học*⁷ (Lê Thị Huệ), *Bốn bất biến trong ngoại giao Hồ Chí Minh*⁸ (Vũ Khoan), cũng có bài bình luận đăng tải trên trang viết điện tử như: *Tư tưởng ngoại giao “Dĩ bất biến - ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí*

³ Rất cảm ơn ba đồng nghiệp: TS Hồ Tấn Sính, Trưởng Ban Kiểm định chất lượng; TS Trần Văn Tiếng, Trưởng Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa phương Đông; và ThS Đinh Lư Giang đã có gợi ý và cung cấp cho người viết bài này những thông tin và tư liệu bổ ích để giúp cho nội dung của bài viết thêm phong phú. PGS.TS Đoàn Lê Giang còn cho biết: câu châm ngôn này cũng được dùng ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và cũng có những ý kiến bàn luận xung quanh ý nghĩa và nguồn gốc đích thực của âm ngôn này, nhưng cũng chưa có sự xác định rõ ràng về nguồn gốc đích thực.

⁴ Phát biểu của GS Mai Quốc Liên Giám đốc Trung tâm Quốc học, Tổng Biên tập Tạp chí *Hồn Việt* (Hội Nhà văn Việt Nam) trong cuộc trao đổi ý kiến, ngày 16/4/2011 xung quanh vấn đề đang bàn.

⁵ Ý của câu tục ngữ Hán: “*Dụng biệt thạch sơn, hồi ma ngã đao*”.

⁶ <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2009/2937/Tu-triet-ly-Di-bat-bien-ung-van-bien-den-triet-ly.aspx>.

⁷ http://truongchinhtrina.gov.vn/ArticleDetail.aspx?_Article_ID=239.

⁸ <http://huynhphan-ngoc.blogspot.com/2011/11/bon-bat-bien-trong-ngoai-giao-ho-chi.html>.

Minh. Rất có thể còn những bài nghiên cứu, bình luận khác đã công bố mà người viết bài này chưa tìm thấy được. Và chắc hẳn rồi cũng sẽ còn thêm nhiều công trình nghiên cứu nữa viết về ý nghĩa câu châm ngôn và sự kiện Bác viện dẫn câu châm ngôn.

Tham gia trao đổi ý kiến về lĩnh vực này, tôi muốn tiếp cận từ góc nhìn ngôn ngữ học để tìm bài học về cách Bác vận dụng một câu châm ngôn trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể cũng như trong đời sống và trong hoạt động cách mạng của Người.

1. Về mặt ngôn ngữ, hai từ khóa trong văn bản hàm súc của câu châm ngôn này là “*dĩ*” và “*ứng*”. Tìm hiểu sự xuất hiện, cũng tức là sự “nhập tịch” (nói theo cách dùng của Giáo sư Phan Ngọc), của hai từ này vào các văn bản tiếng Việt, ta có thể ghi nhận các thông tin sau đây về quá trình này:

a. *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi không có hai từ *dĩ* và *ứng*.

b. *Từ điển Việt - Bồ - La*, A.de Rhodes ấn hành năm 1651 ghi lại vốn từ tiếng Việt giữa thế kỷ XVII cũng chưa có *dĩ* và *ứng*⁹.

Truyện Kiều vẫn chưa có từ *dĩ*, chỉ có từ *ứng* được dùng trong câu: “*nhấp đi thoát thấy ứng liền chiêm bao*”. Từ này được Đào Duy Anh giải thích trong *Từ điển Truyện Kiều*: Đáp lại, ứng lại sự cầu khẩn, trông mong của mọi người (tr.426).

Đến thế kỷ XIX, hai từ này đã xuất hiện khá đều trong các từ điển ấn hành vào thời đó.

c. Trong J.L. Taberd, 1838. *Dictionarium anamitico - latinum* - hai từ này đều có ghi, và kèm theo là các từ Latinh tương đương để giải thích: *dĩ* - *dĩ hạ* = adunum omnes; *ứng* = aves rapaces; v.g.falco, aquila, vulture. *Thần ứng* - Aquila.

d. Trong Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1986, có cả hai từ *dĩ*, *ứng* và đã được giải thích rõ ràng. *Dĩ* (T.I, tr.322): tương, lấy, vì bởi, nhần, từ; đồng thời cùng dẫn nhiều ví dụ: *Dĩ ân*, *báo oán*: lấy ơn mà trả oán, đen bạc; *Dĩ hòa vi quý* = lấy hòa làm quý, phải cho hòa hảo thì hay hơn; *Dĩ đông bỏ tây* = lấy phía này, bỏ phía khác.

⁹ <http://sgu.edu.vn>, <http://truongchinhtri.gov.vn>.

ứng (T.II, tr.528) - chường [= trình, ra mặt, nt. tr.171] thưa, đối đáp, lên tiếng, chực sẵn, ví dụ: *ứng nghiệm*, có hiệu nghiệm; *ứng tiếp* = chực rước nhau, cứu nhau, giúp nhau; *ứng hiện* = bày ra rõ ràng; *ứng đối như lưu* = chường thưa đối đáp như nước chảy.

e. Đến thế kỷ XX, trong Đào Duy Anh, 1931. *Hán - Việt từ điển*, nghĩa của các từ *dĩ*, *ứng* và cách dùng trở nên phong phú hơn nhiều, đồng thời cũng được dùng như yếu tố tạo thành nhiều từ ghép.

Dĩ = nhân vì, dùng, lấy, đem lại, để mà, cho đến. *Dĩ hạ* = trở xuống dưới; *dĩ hậu* = trở về sau; *dĩ nhiên* = đã thế rồi; *dĩ vãng* = đã qua; thành ngữ *dĩ nông vi bản* = lấy việc làm ruộng làm việc gốc, v.v.

Ứng = đáp lại - hai vật ứng theo nhau, *ứng* được dùng trong nhiều từ ghép, nay đã trở thành phổ biến: *ứng biến*, *ứng cử*, *ứng dụng*, *ứng đáp*, *ứng đối*, *ứng khẩu*, *ứng nghiệm*, *ứng phó*, v.v.

Không chỉ trong tiếng Việt hiện nay, mà cả trong những từ điển có sớm hơn, *dĩ* và *ứng*, nhất là *dĩ*, hầu như chỉ dùng trong tổ hợp ghép. Và trong các từ điển càng gần với hiện nay, các từ ghép, các thành ngữ có yếu tố *dĩ*, *ứng* xuất hiện ngày càng nhiều. Điều đó chứng tỏ mức độ dung hợp của hai yếu tố này trong quá trình Việt hóa ngày càng cao. Trên thực tế sinh hoạt ngôn ngữ hàng ngày, ta có thể thấy rất nhiều trường hợp người Việt dùng các từ ghép như *dĩ nhiên*, *dĩ vãng*, *ứng biến*, *ứng đối*, *ứng xử*, *ứng phó*, v.v. và khi dùng không mấy ai chiết tự để biết *dĩ*, *ứng* nghĩa là gì trong cả tổ hợp ghép¹⁰. Dĩ nhiên, những người có trình độ Hán học cao khi dùng những tổ hợp chứa các yếu tố này vẫn am hiểu sâu sắc cả nghĩa hiện lẫn nghĩa ẩn của từng yếu tố.

2. Những điều thảo luận ở mục trên có thể dẫn tới nhận xét là: ý nghĩa câu châm ngôn được Bác viện dẫn vừa có thể hiểu theo cách dùng phổ biến của người dân trong ngôn từ hằng ngày vừa có thể hiểu theo nghĩa ẩn của những người am hiểu sâu vốn từ Hán đã được Việt hóa. Theo cách dùng thường ngày, chắc hẳn phần lớn người Việt hiện nay đều có thể nhận biết được ý nghĩa của câu châm ngôn Bác viện dẫn

¹⁰ Các từ khác trong câu châm ngôn được dùng từ lâu trong tiếng Việt. Từ *biến* đã được ghi trong *Từ điển Việt - Bồ - La*, dùng trong *Truyện Kiều*. Từ *vạn* được dùng trong *Truyện Kiều* với nghĩa là rất nhiều: “Bên lời vạn phúc bên lời hàn huyền” (câu 394) (vạn phúc = rất nhiều hạnh phúc).

là: lấy (= giữ lấy) phần không thể thay đổi, biến đổi (< dĩ bất biến), ứng phó với nhiều sự tình biến đổi có thể xảy ra (< ứng vạn biến).

Đặt câu châm ngôn *Dĩ bất biến ứng vạn biến* được Bác viện dẫn trong cuộc trao đổi ý kiến ở buổi tiễn Người lên đường sang Pháp theo lời mời của Pháp (bối cảnh giao tiếp) với Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch Chính phủ (đối tượng giao tiếp), trong thời gian Bác chuẩn bị khởi hành, ngày nay chúng ta có thể rút ra bài học rất quý về việc người sử dụng ngôn từ.

Theo *Bản thoả thuận phụ*, trong các văn kiện có ghi rõ hai điều bất biến quan trọng là “*vấn đề thống nhất ba kỳ*” và “*những đơn vị Pháp sẽ được quân đội Việt Nam thay thế... trong vòng 15 năm*”. Hai điều tối quan trọng mà Việt Nam đạt được, đối với thế lực Pháp có đầu óc thực dân, “*đâu phải đã là sự sáng khoái hoàn toàn*”¹¹. Vì vậy họ tìm mọi cách để cản trở các bước thực hiện *Hiệp định sơ bộ* để thi hành chỉ thị của De Gaulle gửi cho Cao ủy Đông Dương D’Agenlieu là: “*sử dụng quyền hành của Toàn quyền Đông Dương*” và “*sứ mạng đầu tiên là lập lại chủ quyền của nước Pháp trên những lãnh thổ của Liên bang Đông Dương*”¹². Về phần mình, Chính phủ Việt Nam vừa phải giải thích cho nhân dân hiểu rõ ý nghĩa thắng lợi của *Hiệp định sơ bộ*, vừa phải có đối sách để vô hiệu hóa mưu mô chống phá của phe phái Pháp theo quan điểm thực dân. Mặt khác, mặc dù những người cầm đầu Việt Quốc, Việt Cách đã theo chân các đội quân Trung Hoa phải rút khỏi Việt Nam, nhưng những tay chân giấu mặt của họ vẫn còn ẩn náu, bám lại gây nhiều khó khăn cho ta. Trước tình thế đó, những trắc trở, nguy biến có thể xảy ra rõ ràng là khôn lường. Hai nhà ái quốc được toàn dân tôn kính Hồ Chí Minh và Huỳnh Thúc Kháng từ sự ngưỡng mộ nhau đã đạt tới tin kính nhau, qua những tháng ngày cùng kề vai sát cánh nhau đưa đất nước vượt qua bao ghềnh thác trong buổi đầu của nền cộng hòa dân chủ. Trong bối cảnh lịch sử đó, lời viện dẫn của Bác trong khi hai vị trao đổi ý kiến với nhau hàm chứa biết bao điều quan yếu! Mục tiêu chiến lược của đất nước mà hai vị đều thống nhất phải giữ vững trong bất kỳ tình huống nào, biện pháp

¹¹ Philippe Devillers, *Paris - Sài Gòn - Hà Nội*. Tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944 - 1947. Bản dịch tiếng Việt của Hoàng Hữu Đan, 1993 do P. Devillers giới thiệu, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr.207.

¹² Mai Văn Bộ, 2008, *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, tr.374.

linh hoạt, khi cương khi nhu cầu vận dụng để có thể ứng phó với mọi tình huống hiểm nghèo xảy ra... Tất cả chỉ gói gọn trong 6 từ - âm tiết! Nói về bài học sử dụng ngôn từ ở đây ta nhớ đến lời bình luận của L.T. (một bí danh của Bác) đối với trường hợp của Tăng Tử dùng từ “tất nhiên” để trả lời cho thầy mình là Khổng Tử¹³. Về mặt ngôn ngữ học, điều này tương hợp với nguyên lý cộng tác (cooperative principle) mà H.P. Grice đề xuất, trong đó hai phương châm đáng chú ý là phương châm về lượng (maxim of quantity) và phương châm về cách thức (maxim of manner)¹⁴. Ngôn từ Bác viện dẫn là một châm ngôn ngắn và ẩn chứa hoàn toàn nội dung như “mục đích và phương hướng mà cuộc hội thoại” giữa Người và Cụ Quyền Chủ tịch Huỳnh nhằm tới. Điều này càng trở nên sáng tỏ hơn khi ta biết hai thành viên đối thoại là những người không chỉ có cùng trình độ am hiểu cả nghĩa hiện lẫn nghĩa ẩn của câu châm ngôn được viện dẫn mà còn có cùng mối lo chung và cùng chia sẻ nhau gánh vác sứ mệnh của đất nước giao phó, mỗi người trước mắt sẽ chiến đấu trên một mặt trận. Thế hệ chúng ta ngày nay có thể hiểu qua phương châm sáu từ ấy là sự trao đổi cho nhau, ước hẹn nhau phấn đấu để giữ vững mục tiêu chiến lược của cuộc đấu tranh có cội nguồn từ các trải nghiệm qua quá trình đấu tranh vì sự nghiệp của đất nước.

a. Chắc hẳn nhiều người Việt Nam đều biết Cụ Huỳnh sau khi đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904) đã cùng các bạn đồng chí lãnh đạo phòng trào kháng thuế năm Mậu Thân (1908) tại Quảng Nam, bị bắt đưa đi đày ở Côn Đảo, mãi đến 1921 mới ra tù. Trong tù, Cụ viết *Thi từ tùng thoại*. Năm Bính Dần, sau khi đắc cử dân biểu, Cụ được cử làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Trong ba năm hoạt động ở Viện này, Cụ tiến hành cuộc đấu tranh theo hướng đòi cải cách xã hội, bảo vệ nhân dân. Nhưng rồi nhận thấy đây không phải là nơi để có thể đạt được tâm nguyện của mình, Cụ liền từ chức, tập trung nghị lực và

¹³ Bùi Khánh Thế, *Học tập di sản ngôn ngữ của Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr.103.

¹⁴ Nguyên lý mang tính khái quát, được gọi là nguyên lý cộng tác (cooperative principle) và có kèm theo bốn phương châm hội thoại (conversational maxims): Phương châm về lượng (Maxim of Quantity), Phương châm về chất (Maxim of Quality), Phương châm về quan hệ (Maxim of Relation), Phương châm về cách thức (Maxim of Manner). Các phương châm này được đề ra trên cơ sở cho rằng mục đích của sự giao tiếp tương tác là trao đổi thông tin sao cho đạt được hiệu quả tối đa (P.w. Simpson, *Phân tích diễn ngôn và văn học*, trong *The ELL*, 1994, trang 952 - 956).

công sức cho *Tiếng Dân* - tờ báo được lập ra từ 1927 và hoạt động đến 1943 bị đóng cửa - làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, tiếp tục “thét *Tiếng Dân* giữa kinh thành Huế”¹⁵ (lời Trường Chinh).

Phương thức hoạt động vì dân, vì nước của Cụ Huỳnh cho đến ngày Cách mạng tháng Tám thành công tuy không thuộc quỹ đạo của phong trào đấu tranh do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhưng khi lãnh tụ Hồ Chí Minh mời Cụ cùng hiệp lực gánh vác việc nước, Cụ Huỳnh không nề tuổi tác liền đáp lại tấm lòng thành đó với tất cả tâm huyết của mình. Cụ Huỳnh đã rời địa bàn hoạt động miền Trung thân thuộc một thời của mình để sớm có mặt ở thủ đô Hà Nội rồi nhập ngay vào làn sóng cách mạng sôi sục của nhân dân đang quy tụ xung quanh mặt trận Việt Minh. Suy nghiệm về hơn một phần ba thế kỷ hoạt động vì dân, vì nước của Cụ, chúng ta thấy mục tiêu đấu tranh đó trước sau vẫn được kiên trì giữ vững, tuy phương thức thực hiện có biến hóa tùy thời cơ, tùy hoàn cảnh. Lên đường ngày 5 tháng 6 năm 1911 từ một bến cảng phương Nam với ý chí tìm con đường cứu nước và vào một ngày cuối tháng 1 năm 1941 đặt chân lên mảnh đất địa đầu miền Bắc Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã trải qua một cuộc hành trình dài lâu ghi dấu nhiều sự kiện mà ngày nay đã trở thành các cột mốc quan trọng của cách mạng Việt Nam. Về không gian, đó là cuộc hành trình qua năm châu bốn biển theo đúng nghĩa đen của thành ngữ này và về thời gian tính đến khi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện với tên Hồ Chí Minh ở khu giải phóng Việt Bắc, chỉ đạo các bước tiến của Cách mạng tháng Tám là đúng 30 năm. Trong gần một phần ba thế kỷ ấy, ngoài sự gian lao vất vả mà Người đã khắc phục trong khi đi tìm cảm nung cho Cách mạng Việt Nam, còn có bao nhiêu nghịch cảnh mà Người phải vượt qua để đạt tới mục tiêu giành lại độc lập, thống nhất cho đất nước, tự do cho nhân dân mình. Trước các nghịch cảnh, nhờ có phương châm kiên trì giữ vững mục đích cuối cùng của sự nghiệp cách mạng kết hợp linh hoạt với sự ứng xử uyển chuyển, khéo léo tùy thời và thế, nên cuối cùng Người vẫn đạt được chủ đích ở các giai đoạn của cuộc đấu tranh, hoặc biến cố xảy ra bất ngờ. Trong số đó, chúng ta có thể nhớ lại sự phấn đấu kiên trì của Người để “thực

¹⁵ Ngày 13 tháng 8 năm 1942, với tên mới Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc vượt biên giới Việt - Trung đi Trung Quốc để liên lạc với lực lượng cách mạng của người Việt Nam và lực lượng đồng minh.

hiện nguyện vọng nóng bỏng” của mình là về nước với mục đích: “thiết lập những quan hệ giữa Đông Dương và Quốc tế Cộng sản; thông báo cho Quốc tế Cộng sản về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của thuộc địa này; tiếp xúc với các tổ chức đang tồn tại ở đó; tổ chức một cơ sở thông tin và tuyên truyền”. Cùng với nội dung tương tự gửi đến bức thư thứ 3 cho Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc mới tiếp được từ Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản một quyết định do Tổng thư ký Pêtorốp ký, nhận Nguyễn Ái Quốc vào làm cán bộ của Ban. Nói cách khác, Nguyễn Ái Quốc đã nhận được chỉ thị hoãn không thời hạn dự định về nước. Nhưng Nguyễn Ái Quốc không phải là người dễ dàng bỏ cuộc.

Chấp hành nghị quyết về làm cán bộ của Ban Phương Đông, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục kiên trì viết thư gửi đến các đồng chí có trách nhiệm trình bày quan điểm của mình về “chuyến đi điều tra và nghiên cứu” này vốn rất cần thiết cho phong trào cách mạng chung. Cuối cùng Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định:

“Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cần đi Quảng Châu, chi phí do Ban Phương Đông chịu”.

Với quyết định ngắn gọn trên đây, ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc) không có một mảnh giấy ủy nhiệm hay giới thiệu nào. Đương nhiên Người phải nghĩ ngay đến chuyện sinh kế. Sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* ghi: “Bây giờ, ông Nguyễn ở Trung Quốc, ông bắt đầu đi bán thuốc lá và bán báo để sinh sống”. Trong thời gian này, Người hoạt động vừa với cương vị một cán bộ của Quốc tế Cộng sản, vừa với tư cách là một nhà cách mạng Việt Nam¹⁶. Như vậy, “nguyện vọng nóng bỏng” của Người đã được thực hiện. Chúng ta đều biết, chính trong thời gian này, Người đã sáng lập *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội* (tháng 6/1925), sáng lập tờ tuần báo *Thanh niên*, mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam, và sách *Đường Kách mệnh* năm 1927 được Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ấn hành chính là tập hợp các bài giảng của Người trong lớp huấn luyện chính trị đó.

¹⁶ Các ý tưởng trong đoạn này của bài viết là dựa theo nội dung Chương XXII và XXIII trong sách *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh* của Mai Văn Bộ, NXB Trẻ, 2008, trang 176-196. Những câu trong ngoặc kép là trích dẫn trực tiếp của Mai Văn Bộ.

b. Ngày 13/8/1942, Nguyễn Ái Quốc - lúc này có tên mới là Hồ Chí Minh - sang Trung Quốc với nhiệm vụ liên lạc với các lực lượng cách mạng Việt Nam và đồng minh. Trên đường đi ngày 27/8 đến xã Túc Vinh, huyện Đức Bảo, Quảng Tây thì Người bị tuần cảnh Quốc dân Đảng bắt giữ. Người lại phải sống những ngày gian khổ trong cảnh bị giam cầm hoặc dẫn giải đi từ nhà lao này qua nhà tù khác.

“II

*Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngờ đất bằng gậy sóng gió,
Phải làm khách quý tại nhà giam!*

III

*Ta người ngay thẳng lòng trong trắng,
Lại bị nghi là kẻ Hán gian!
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay xử thế khó khăn hơn”.*

(Nam Trân dịch từ bài Thế lộ nan)

Vào thời gian đó, tình hình thế giới và cao trào cách mạng trong nước biến chuyển dồn dập và Người biết các đồng chí trong nước đang mong chờ, lo lắng cho Người, nhất là khi có những tin tức chẳng lành lan truyền. Trong hoàn cảnh ấy, tuy “thân thể ở trong lao” nhưng tinh thần của Người vẫn “ở ngoài lao” và hẳn là nhờ vậy mà Người đã có phương thế ứng phó hoàn toàn phù hợp. Lúc ở trong nhà giam, Người nhận xét, suy nghĩ về số phận của tù nhân; bị giải đi trên đường từ trại giam này đến trại giam khác, Người quan sát, ghi nhớ để khi có giấy bút sẽ ghi lại thành lời lẽ, văn bản.

Theo cách tiếp cận đó, 133 bài thơ của *Nhật ký trong tù* là một tập bút ký viết từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943 về những cảnh tượng “hai cực trong xã hội, quan tòa” (“muốn khép người vào tội, lại ra về ân cần”) và phạm nhân (“tôi lương dân”, “thực trăm phần trăm” ở bài 11: *Lời hỏi*), ở cảnh cùm chân hoặc “Chia nước” mà

người tù phải trải qua: “Được cùm chân mới yên để ngủ, không được cùm chân biết ngủ đâu?” (Bài 16, 17: *Cước áp* = Cái cùm) hoặc “mỗi người phần nước vừa lưng chậu... Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt, ai cần rửa mặt, chớ đun trà” (Bài 22: *Phân thủy* = Chia nước). Mực kích hoặc tự mình cũng ném trái những gian khổ ấy, nhưng như đã tự xác định ngay từ đầu “muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần phải càng cao” nên tuy “trong ngục còn tối mịt”, Người vẫn hình dung với một niềm tin “Ánh hồng trước mặt đã bừng soi” vì “Bĩ cực rồi ắt thái lai” (Bài 8, 9: *Buổi sớm*). Với niềm tin ấy, khi “vừa chộp mắt” sau mấy canh dài “trần trọc, bần khoản” đã có thể thấy “sao vàng năm cánh mộng hồn quanh” (Bài 68: *Ngủ không được*). Niềm lạc quan ấy thể hiện trong bút ký bằng thơ của Người không chỉ một lần: “Tự do tiên khách trên trời, Biết chăng trong ngục có người khách tiên” (Bài 13: *Quả trưa*); trong chốn lao tù, Người luôn nghĩ đến ngày “Thoát khỏi ngục tù ra dựng nước,... Nhà lao mở cửa ắt rồng bay” (Bài 77: *Chiết tự*); bởi vì theo lẽ thường “sự vật vẫn xoay đã định sẵn, hết mưa là nắng hừng lên thôi”, “Hết khổ là vui vốn lẽ đời” (Bài 131: *Trời hừng*).

Chuẩn bị cho sự biến đổi theo quy luật biện chứng ấy, ngoài việc ghi nhật ký bằng thơ, Người còn đọc sách để tích lũy những hiểu biết cơ bản về quân sự, về công việc huấn luyện, về kinh nghiệm chiến đấu... như chúng ta có thể đọc được qua các *Mục đọc sách*, *Mục đọc báo* được Người viết kèm vào những trang cuối cùng trong cuốn sổ chép những bài thơ *Nhật ký trong tù* bắt đầu từ sau bài thơ *Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”*. Tại những đoạn viết kèm này, Người cũng ghi lại những suy nghĩ về ý nghĩa của văn hóa, về việc xây dựng nền văn hóa dân tộc. Theo tôi, có thể xem đây là một trong những định nghĩa đáng chú ý nhất về văn hóa mà người viết bài này đã có một vài lần viện dẫn, và ý tưởng của Người về năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc, chúng ta có thể bắt gặp lại trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* (năm 1943 của Trung ương) qua cách đặt vấn đề, cách định hướng và cách mạng văn hóa Việt Nam.

Cũng chính trong những tháng này, Người tiếp tục suy nghĩ về chiến lược, chiến thuật mà cách mạng Việt Nam phải tính tới vào giai đoạn biến chuyển sắp tới của thời cuộc, khi:

“Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

II

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.

III

Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành.”

Sự biến chuyển của cách mạng Việt Nam trong những ngày trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 quả đúng như sự suy tưởng của nhà chiến lược Hồ Chí Minh trong những ngày “bế tọa vô liêu học dịch kỳ” (Bài số 18, 19, 20). Tiếp cận các bài học rút ra từ *Nhật ký trong tù* theo hướng đó trong sự liên hệ với thời 6. Trong quãng đời hoạt động trước tháng 6/1946, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh và nhà ái quốc Huỳnh Thúc Kháng đã từng vận dụng phương châm về tương quan giữa nguyên tắc bất biến và cách hành xử biến hóa để vượt qua những tình thế hiểm nghèo. Trong thế nước “ngàn cân treo sợi tóc” Việt Nam, hai bậc ái quốc lão thành này, mỗi người nên một mặt trận, sẽ phải vận dụng chiến lược và chiến thuật gói gọn trong câu châm ngôn sáu chữ để đưa con thuyền quốc gia vượt qua mọi ghềnh thác trước mắt.

c. Trong những công lao to lớn mà Cụ Huỳnh đóng góp cho cách mạng Việt Nam trong thời gian từ cuối năm 1945 đến khi Cụ từ trần là kẻ vai sát cánh với Chủ tịch Hồ Chí Minh mở rộng và củng cố khối đoàn kết toàn dân, sáng lập Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) và lãnh đạo mặt trận này cho đến khi Cụ được chính phủ cử đi kinh lý miền Trung. Quan điểm đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng yêu nước để cùng phấn đấu vì sự nghiệp độc lập, tự do, thống nhất của Cụ Huỳnh Thúc Kháng từ cách ứng xử của chính bản thân Cụ, cũng

như qua cách hành xử của Cụ trong công việc của Mặt trận Liên Việt mà Cụ đứng đầu cũng như của chính phủ mà Cụ tham gia. Đối với Cụ, đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp chung là *nguyên tắc bất biến*.

Trong 4 tháng đảm nhiệm sứ mệnh Quyền Chủ tịch nước, Cụ Huỳnh đã phải giải quyết một sự kiện chính trị hết sức phức tạp và cũng rất tế nhị. Đó là vụ Ôn Như Hầu. Lúc bấy giờ có một số phần tử Việt Nam Quốc dân Đảng dựa vào thế quân Tàu Tưởng trong các đơn vị “Hoa quân nhập Việt” gây ra các vụ tống tiền, bắt cóc, ám sát dân thường, cán bộ tại sào huyệt của họ ở phố Ôn Như Hầu (Hà Nội). Ngày 16 tháng 7 năm 1946, Cụ Huỳnh Thúc Kháng với danh nghĩa là Quyền Chủ tịch Chính phủ ra lệnh cho các lực lượng an ninh triệt phá hang ổ của bọn phản động. Cụ tuyên bố: “Đoàn kết là cần để xây dựng nền dân chủ cộng hòa, nhưng không thể dựa vào đoàn kết mà làm những điều phi pháp. Tôi khuyên mọi đảng phái, mọi phần tử quốc dân cần cùng nhau đoàn kết. Nhưng cũng vì quyền lợi quốc gia, tôi phải đem ra trước pháp luật những kẻ làm điều phi pháp. Tôi khuyên mọi đảng phái, mọi phần tử quốc dân cùng nhau đoàn kết. Nhưng cũng vì quyền lợi quốc gia, tôi phải đem ra trước pháp luật những kẻ làm điều phi pháp. Pháp luật là pháp luật chung. Những đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng chân chính được bảo đảm sự tự do trong vòng pháp luật. Những kẻ bắt cóc, tống tiền, ám sát phải bị pháp luật nghiêm trị”.

d. Trong khi trên mặt trận trong nước, cụ Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng vận dụng phương châm *bất biến* về đoàn kết và ứng phó kiên quyết để giữ nghiêm phép nước thì trên mặt trận ngoài nước, nhà cách mạng Hồ Chí Minh tiến hành cuộc đấu tranh ngoại giao bền bỉ, mưu trí và đa dạng để kiên quyết giữ vững lời thề độc lập “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập” của mình (*Tuyên ngôn độc lập* ngày 2/9/1945). Mặt khác, Người còn phải ứng phó với mọi diễn biến khôn lường của tình hình, tiếp xúc với nhiều tổ chức chính trị xã hội, với những chính khách, những nhà văn hóa và khoa học có các quan điểm khác nhau đối với tình thế ở Việt Nam lúc bấy giờ để làm rõ chính nghĩa trong công cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do và sự

thống nhất đất nước. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Pháp, các nhóm xã hội, đảng chính trị nước này đang trong giai đoạn sắp xếp lực lượng chuẩn bị thành lập chính phủ mới. Hội nghị Việt - Pháp họp ở Fontainebleau tuy khai mạc nhưng vẫn ở thế giằng co. Trong khi đó ở tại Việt Nam, phái D'Argenlieu tiếp tục có những hoạt động đầu độc bầu không khí hòa dịu: tổ chức Hội nghị Đà Lạt, xưng là Hội nghị Đông Dương, lập chính phủ Nam Kỳ tự trị,... Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng thời gian ở Pháp để có những cuộc tiếp xúc rộng rãi với các tổ chức xã hội, các nhân vật. Đó là những hoạt động mà ngày nay ta gọi là *ngoại giao nhân dân*. Người tiếp Đại tướng Juin, danh tướng của Pháp đang giữ chức tham mưu trưởng trong quân đội Pháp; tiếp Bộ trưởng M. Moutet và nhiều vị tai mắt trong chính phủ Pháp lúc bấy giờ và thượng sứ D'Argenlieu, người có quan điểm khôi phục “chủ quyền” của nước Pháp đối với xứ thuộc địa Đông Dương. Vài hôm sau, Người lại liên tục tiếp các nhà báo, các nghệ sĩ, các giáo sư, nghị sĩ, lãnh tụ của các chính đảng, trong số đó có những chính đảng lớn như Phong trào Cộng hòa Bình dân (M.R.P.), Đảng Xã hội Pháp (S.F.I.O.) và Đảng Cộng sản Pháp (P.C.). Người cũng tiếp đại biểu phụ nữ các nước, đại biểu Hội Thanh niên thế giới, đại biểu bà con Việt Nam ở Pháp; trong số đó có nhiều thiếu niên, thiếu nhi con em người Việt Nam. Trong bất kỳ cuộc tiếp xúc nào, Người cũng nêu cao ý chí của nhân dân Việt Nam là đấu tranh đòi cho kỳ được độc lập, tự do và thống nhất đất nước là chính nghĩa của sự nghiệp đó.

Trong các cuộc tiếp xúc với các nhà báo, điều đáng chú ý là có nhiều nhà báo không hiểu rõ tình hình Việt Nam lúc bấy giờ nên thường viết những điều bất lợi cho ta. Nhưng sau khi được tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm của họ có sự chuyển biến rất tích cực. Tiêu biểu là ông Buré, chủ bút báo *U'Ordre*, một nhà viết báo có tiếng tăm lúc ấy đã 70 tuổi. Bác Hồ chủ động đến thăm. *U'Ordre* là một tờ báo thường công kích ta. Nhưng khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm thì thái độ nhà báo Buré rất nhã nhặn. Bác đem tình hình nước ta và nguyện vọng của nhân dân ta nói chuyện rõ ràng thì ông tỏ ý rất cảm động và sau đó Buré phái người đến yết kiến Hồ Chủ tịch rồi đăng bài báo viết đúng như thực tế, rất có lợi cho ta.

Hội nghị Fontainebleau rõ ràng không đạt được mục tiêu đề ra, mặc dù có nhiều cố gắng của phái đoàn Việt Nam và nhiều người Pháp có thiện chí mong muốn. Tuy nhiên để cứu vãn tình thế, cuối cùng Tạm ước 14/9/1946¹⁷ đã được ký kết để có thể cứu vãn tình hình, “làm cho hai bên Việt - Pháp để làm ăn” như lời Hồ Chủ tịch tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về. Trong lời tuyên bố ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu lên năm việc quan trọng mà Người và phái đoàn đã làm được, trong đó quan trọng là “đem lá quốc kỳ Việt Nam qua đến nước Pháp, được chính phủ và nhân dân Pháp trọng thị; làm cho chính phủ và nhân dân Pháp chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt Nam hơn trước. Thế giới cũng hiểu rõ vấn đề Việt Nam hơn trước”¹⁸.

Đọc tập nhật ký ghi lại những hoạt động phong phú của Bác trong bốn tháng ở Pháp, chúng ta có thể từ đó rút ra nhiều bài học quý báu về tư tưởng, về đạo đức Hồ Chí Minh. Theo tôi, một trong những bài học ấy là bài học về sự vận dụng sáng tạo câu châm ngôn mà Người cùng cụ Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng thấu hiểu nhau bằng cả tấm lòng và ý chí, ngầm ước nguyện mỗi người cũng sẽ thực hiện trên một trận tuyến trước lúc tạm chia tay: **DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN.**

¹⁷ Ký tạm ước là một sách lược ngoại giao tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm làm cho nhân dân ta có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống mưu mô của thế lực thực dân Pháp trở lại xâm chiếm Việt Nam (Theo chú thích của Tập 4, trong bộ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, xuất bản lần thứ 2, 2000).

¹⁸ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 4, tr.417-419.